

Số: /KH-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan đơn vị, của cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển giàu mạnh của tỉnh trong kỷ nguyên mới.

- Huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng, nhân lực, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội.

2. Yêu cầu

- Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 11/NQ-CP. Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả.

- Phân công rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp, thời gian hoàn thành, sản phẩm đầu ra trong việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu về phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực

hiện; quy định rõ chế độ báo cáo đánh giá thường xuyên, định kì; sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Huy động nguồn lực, phát huy tiềm lực sáng tạo, khơi dậy tinh thần quyết tâm của mọi tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực kinh tế xã hội nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

2. Các chỉ tiêu cụ thể: (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

III. NHIỆM VỤ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Kiện toàn và đảm bảo hoạt động hiệu quả Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thành lập các tổ giúp việc; ban hành quy chế hoạt động, chương trình, kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ, rõ trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo và các tổ công tác...;

- Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tham mưu lãnh đạo chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi của ngành, lĩnh vực, địa phương mình.

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể; gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương với kết quả thực hiện.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng đến cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 11/NQ-CP và Kế hoạch triển khai thực hiện của UBND tỉnh,

- Đẩy mạnh tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin rộng rãi trên hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội.

- Tổ chức các Hội thảo khoa học, xây dựng văn hóa và đạo đức số.

3. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ số

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội, khu vực đô thị, đông dân cư, khu công nghiệp).

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng di động (4G, 5G), nâng cấp, mở rộng băng thông đường truyền internet đến các vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Triển khai các nền tảng số quốc gia, vùng, xây dựng và triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh, các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông từ trung ương đến cơ sở; ứng dụng công nghệ số (giải pháp công nghệ IoT, AI, GIS...) để giải quyết các bài toán lớn của tỉnh, các vấn đề xã hội.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh trên cơ sở liên thông với các cơ sở dữ liệu của tất cả các ngành, lĩnh vực trong tỉnh, ứng dụng công nghệ AI, trợ lý ảo để hỗ trợ phân tích, đánh giá, ra quyết định.

- Đưa các hoạt động của chính quyền các cấp, cơ quan nhà nước lên môi trường số.

4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số

- Các cơ quan, đơn vị chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ phải triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, tuân thủ nghiêm quy định an toàn thông tin, an ninh mạng, chủ quyền số.

- Triển khai hệ thống giám sát an toàn thông tin, an ninh mạng để giám sát thường xuyên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Triển khai các công cụ, giải pháp (phòng chống mã độc, phần mềm có bản quyền, quy tắc ứng xử trên môi trường mạng, mật khẩu đủ mạnh...) để bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn trên môi trường mạng.

5. Xây dựng chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao; thu hút trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, dự án chuyển đổi số trọng điểm của tỉnh. Tăng tỷ lệ chi ngân sách đáp ứng yêu cầu hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao; thu hút trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Nghiên cứu, đề xuất thành lập quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ

hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp.

6. Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản; Kế hoạch đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo của các trường cao đẳng, dạy nghề thuộc tỉnh; Kế hoạch tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực; Kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; Kế hoạch, cơ chế, chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia....

7. Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

- Xây dựng Kế hoạch củng cố và nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới sáng tạo của Trung tâm hỗ trợ Đổi mới Sáng tạo và Chuyển đổi số của tỉnh; hình thành trung tâm nghiên cứu và phát triển của tỉnh.

- Xây dựng chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực nghiên cứu của các tổ chức khoa học công nghệ hiện có.

8. Xây dựng, triển khai kế hoạch chuyển đổi số, kinh tế số cấp tỉnh

- Xây dựng và triển khai các kế hoạch 5 năm, hằng năm của tỉnh về Chuyển đổi số, kinh tế số, phát triển các nền tảng số.

- Nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng giải pháp số.

- Thực hiện đặt hàng các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

Tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành trong khu vực, các vùng kinh tế, các doanh nghiệp, nhà khoa học; kết nối với các đối tác quốc tế, thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ; tạo điều kiện cho các tổ chức khoa học, chuyên gia, nhà khoa học đến nghiên cứu, làm việc tại tỉnh.

10. Kiểm tra, giám sát

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện kế hoạch, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Công khai, minh bạch thông tin về chương trình, chính sách, quy trình phê duyệt và quản lý sử dụng kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị tại Phụ lục II kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này; thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường có trách nhiệm:

- Điều chỉnh, cập nhật vào Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Rà soát các, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Bộ, ngành, trung ương đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch thực hiện Kế hoạch này.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được giao; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan tham mưu trình UBND tỉnh bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, cơ quan, đơn vị liên quan chủ động đề xuất gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh;
- Các sở; ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐ, CVCK, TCHCQT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đức Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trung Chiến

Phụ lục I

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Sơn La)

Chỉ tiêu	Đến hết 2025		Đến hết 2030	Đến hết 2035	Đến hết 2040	Đến hết 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Mục tiêu	Kết quả 2025						
PHÁT TRIỂN Hạ Tầng								
Tỷ lệ thôn, bản tiêu khu phủ sóng băng rộng di động 5G trên địa bàn	≥ 15%	18% (đạt)	100%				Sở Khoa học và Công nghệ	Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn
Tỷ lệ thôn, bản tiêu khu phủ sóng băng rộng di động 6G trên địa bàn				50%	80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn
Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps.	≥ 60%	60,09% (đạt)	100%				Sở Khoa học và Công nghệ	Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn
Hình thành Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh, giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.	Sử dụng hệ thống hiện có		01 trung tâm cấp tỉnh	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành
PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC								
Tỷ lệ ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	≥ 0,75%	0,93% (đạt)	≥ 1,5%	≥ 2%	≥ 2,5%	≥ 3%	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã
Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,2% GRDP	0,205% GRDP (đạt)	3% GRDP	3% GRDP	3% GRDP	3% GRDP	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã

Chỉ tiêu	Đến hết 2025		Đến hết 2030	Đến hết 2035	Đến hết 2040	Đến hết 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Mục tiêu	Kết quả 2025						
Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	≥ 80%	96,27% (đạt)	100%				UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	100%	100% (đạt)					Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	96,33% (đạt)	100%				Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số ¹	80%		90%	95%	97%	99%	Các sở Y tế, Giáo dục và đào tạo, Xây dựng; BHXH tỉnh	Thống kê tỉnh Sơn La; UBND cấp xã
Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế	80%	32,38% (chưa đạt)	90%	95%	97%	99%	Sở Y tế	UBND cấp xã
Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giáo dục	80%	Chưa thống kê được	90%	95%	97%	99%	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã
Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong bảo hiểm	80%	84% (đạt)	90%	95%	97%	99%	BHXH tỉnh	UBND cấp xã
Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giao thông	80%	Chưa thống kê được	90%	95%	97%	99%	Sở Xây dựng	UBND cấp xã
Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ giao dịch tài chính số					80% - 90%	≥ 90%	Ngân hàng nước khu vực 3	UBND cấp xã

¹ Nguồn lấy số liệu dân số trưởng thành: Thống kê tỉnh Sơn La.

Chỉ tiêu	Đến hết 2025		Đến hết 2030	Đến hết 2035	Đến hết 2040	Đến hết 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Mục tiêu	Kết quả 2025						
Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.	≥ 04 người	7,26 người/1 vạn dân (đạt)	≥ 09 người	≥ 14 người	≥ 27 người	≥ 45 người	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Sơn La, các trung tâm nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh	
PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ								
Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh	≥ 12	12 (đạt)	≥ 20	≥ 30	≥ 40	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính
Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	≥ 2	2 (đạt)	≥ 2	≥ 3	≥ 3	≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Sở Tài chính
Số công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu mỗi năm	≥ 16	Đến hết tháng 12/2025 nghiệm thu: 14/16 nhiệm vụ (chưa đạt)	≥ 20	≥ 40	≥ 80	≥ 120	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, Ngành; UBND cấp xã

Chỉ tiêu	Đến hết 2025		Đến hết 2030	Đến hết 2035	Đến hết 2040	Đến hết 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Mục tiêu	Kết quả 2025						
Số cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	≥ 300	482 (đạt)	≥ 600	≥ 1.200	≥ 2.000	≥ 2.500	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Sơn La, các trung tâm nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm	≥ 15	17 (đạt)	≥ 20	≥ 40	≥ 90	≥ 130	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, Ngành; UBND cấp xã
Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	$\geq 40\%$	42,85% (đạt)	$\geq 60\%$	$\geq 75\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	Các sở, ban, ngành, đơn vị đề xuất nhiệm vụ KH&CN và được giao ứng dụng kết quả KH&CN vào thực tiễn	Các tổ chức, cá nhân nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ KH&CN
Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) mỗi năm	≥ 1	0 (chưa đạt)	≥ 3	≥ 6	≥ 12	≥ 24	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các tổ chức khoa học, doanh nghiệp, HTX, cá nhân	Sở Khoa học và Công nghệ

Chỉ tiêu	Đến hết 2025		Đến hết 2030	Đến hết 2035	Đến hết 2040	Đến hết 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Mục tiêu	Kết quả 2025						
							trên địa bàn tỉnh.	
Tỷ lệ doanh nghiệp, HTX sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	$\geq 10\%$	Chưa thống kê được	$\geq 25\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$	Các Sở, Ban, Ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
Số bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI) mỗi năm	≥ 20	39 (đạt)	≥ 60	≥ 120	≥ 320	≥ 620	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Sơn La, các trung tâm nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh	
Số công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực giai đoạn 2026 - 2030			≥ 1				Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Sơn La, các trung tâm nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh
Số công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực mỗi năm				≥ 1	≥ 3	≥ 4	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Trường Đại học Tây Bắc, Trường

Chỉ tiêu	Đến hết 2025		Đến hết 2030	Đến hết 2035	Đến hết 2040	Đến hết 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Mục tiêu	Kết quả 2025						
								Cao đẳng Sơn La, các trung tâm nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh
Số trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư					2		Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Sơn La, các trung tâm nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh
Số trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của địa phương đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế					7 - 10		Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Sơn La, các trung tâm nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh
PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO								
Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	≥ 1	0 (chưa đạt)	≥ 15	≥ 30	≥ 50	≥ 100	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, Ngành

Chỉ tiêu	Đến hết 2025		Đến hết 2030	Đến hết 2035	Đến hết 2040	Đến hết 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Mục tiêu	Kết quả 2025						
Số vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo	≥ 1	1 (đạt)	≥ 3	≥ 5	≥ 7	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính
Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	$\geq 1\%$	1% (đạt)	$\geq 10\%$	$\geq 20\%$	$\geq 45\%$	$\geq 70\%$	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
Số sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm	≥ 1	0 (chưa đạt)	≥ 5	≥ 20	≥ 30	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương; Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; và các đơn vị có liên quan
Số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm.			≥ 5	≥ 15	≥ 30	40	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương; Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; và các đơn vị có liên quan
Số sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh đến năm 2030.			≥ 5				Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; và các đơn vị có liên quan
Số sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm.				≥ 2	≥ 4	≥ 8	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; và các đơn vị có liên quan

Chỉ tiêu	Đến hết 2025		Đến hết 2030	Đến hết 2035	Đến hết 2040	Đến hết 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Mục tiêu	Kết quả 2025						
Số bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo mỗi năm.	≥ 40	253 (đạt)	≥ 150	≥ 300	≥ 600	≥ 1.200	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã có liên quan; Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Sơn La, các trung tâm nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh	
Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.	$\geq 5\%$	Chưa thống kê được	$\geq 10\%$	$\geq 20\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính	các Doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh
Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận mỗi năm.	≥ 30	34 sáng kiến (đạt)	≥ 70	≥ 120	≥ 180	≥ 250	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã có liên quan; các cơ quan, đơn vị liên quan	
PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ								
Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	≥ 0.66	0,6640 (đạt)	≥ 0.75	≥ 0.85	≥ 0.92	1.0	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã

Chỉ tiêu	Đến hết 2025		Đến hết 2030	Đến hết 2035	Đến hết 2040	Đến hết 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Mục tiêu	Kết quả 2025						
Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	≥ 70%	100% (đạt)	100%				Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	100%	100% (đạt)					Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	≥ 70%	46,27% (đến 28/12/2025) (chưa đạt)	100%				Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	
Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	≥ 95%	95,4% (đến 28/12/2025) (đạt)	100%			100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	100%	88,4% (đến 28/12/2025) (chưa đạt)	100%	100%	100%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	≥ 70%	62,31% (đến 28/12/2025) (chưa đạt)	≥ 85%	≥ 95%	100%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	66,67%	66,67% (đạt)	≥ 70%	≥ 90%	100%	100%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ

Chỉ tiêu	Đến hết 2025		Đến hết 2030	Đến hết 2035	Đến hết 2040	Đến hết 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Mục tiêu	Kết quả 2025						
Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương	≥ 50%	50% (đạt)	≥ 80%	100%	100%	100%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh	≥ 20%	24% (đạt)	≥ 85%	100%		100%	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	≥ 30%	30% (đạt)	≥ 60%	≥ 85%	≥ 95%	100%	Các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính
Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	≥ 50%	52,4% (đạt)	≥ 80%	≥ 95%	100%	100%	Công an tỉnh	UBND cấp xã
Tỷ lệ người dân có chữ ký số			≥ 10%	20%	30%	40%	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã
Tỷ lệ chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	≥ 60%	100% (đạt)	≥ 90%	100%		100%	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
Quy mô kinh tế số	8% GRDP	6,9% GRDP (chưa đạt)	15% GRDP	20% GRDP	25% GRDP	30% GRDP	Các Sở, Ban, Ngành	Sở Tài chính
Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt			- Đến năm 2027: Đạt 10 lần GRDP - Đến năm 2030: Đạt 30 lần GRDP				Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 3	Các đơn vị liên quan

Phụ lục II

NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
I	THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN								
1	Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân								
1.1	Quán triệt các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 333-KH/TU và Kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã		Hội nghị	Đã hoàn thành				
1.2	Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Video clip, infographic, mạng xã hội...		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
1.3	Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Hội nghị, hội thảo, tọa đàm...		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
2	Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch UBND tỉnh	Đã hoàn thành				
3	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Kế hoạch		Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm
4	Xây dựng tiêu chí bình xét thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức gắn với Kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch phát động thi đua/ Hướng dẫn bình xét TĐKT	Đã hoàn thành				
5	Tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số								
5.1	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.	Báo và PTTH Sơn La		Chương trình		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
5.2	Xây dựng chuyên trang, chuyên đề; chuyên mục về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên hệ thống báo chí, phát thanh truyền hình, công/trang thông tin điện tử; xây dựng chuyên mục tuyên truyền về kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Báo và PTTH Sơn La; Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Chuyên trang, chuyên đề; chuyên mục		Cập nhật hàng năm	Cập nhật hàng năm	Cập nhật hàng năm	Cập nhật hàng năm
5.3	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào “bình dân học vụ số”	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, doanh nghiệp, đơn vị liên quan	Kế hoạch UBND tỉnh	Đã hoàn thành				
		Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã		Kế hoạch các sở, ban, ngành, địa phương	Đã hoàn thành				
5.4	Phát động các phong trào thi đua nghiên cứu khoa học, phát minh sáng chế, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong toàn tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch	Đã hoàn thành				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
5.5	Tôn vinh, biểu dương, khen thưởng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; các mô hình tiêu biểu, điển hình trên địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ	Liên hiệp các hội KH&KT tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Sơn La	Hội nghị		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
6	Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số								
6.1	Ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số theo Quyết định số 423/QĐ-BVHTTDL ngày 05/3/2026 của Bộ VHTT&DL	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh		Quý II/2026			
6.2	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trên môi trường số	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Hội nghị		Năm 2026			

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
7	Tổ chức các hoạt động diễn đàn, hội thảo để giới thiệu, kết nối chuyên gia kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; tổ chức các khóa đào tạo, cuộc thi, hội thi và sự kiện về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các sự kiện kết nối đầu tư giữa các dự án khởi nghiệp sáng tạo với các quỹ đầu tư	Các sở, ban, ngành,	Sở Khoa học và Công nghệ, các tổ chức khoa học và công nghệ; các trường đại học, cao đẳng	Hội nghị, hội thảo, tập huấn, các cuộc thi và sự kiện về khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số.		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
8	Xây dựng kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số”	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch	Đã hoàn thành				
II	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ, ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ SỐ								
1	Xây dựng, rà soát bổ sung kế hoạch thực hiện Chiến lược tổng thể 5 năm đầu tư phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	Đã hoàn thành				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
2	Lồng ghép chiến lược tổng thể, nội dung phát triển hạ tầng số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và 5 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính			Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
3	Mở rộng phủ sóng băng thông rộng di động (4G, 5G), nâng cấp, mở rộng băng thông đường truyền internet đến các vùng sâu, vùng xa, biên giới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh, UBND các xã, phường			Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
4	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	Đã hoàn thành				
5	(1) Hình thành Trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao; (2) Xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số, dữ liệu số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Công an tỉnh; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	(1) Trung tâm dữ liệu (2) Quy chế		Trong giai đoạn (nhiệm vụ 2025 chuyên tiếp)			

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
6	Rà soát, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Công an tỉnh; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Danh mục		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
7	Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã ban hành	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh			Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
8	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hoàn thành kết nối	Đã hoàn thành				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
9	Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	
10	Triển khai Đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,... (của trung ương)	Các sở, ban, ngành liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch triển khai Đề án	Đã hoàn thành				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
11	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Khắc phục lỗ hổng bảo mật, hệ thống đảm bảo an ninh an toàn để kết nối khai thác dữ liệu, cắt giảm giấy tờ cho người dân, phục vụ công tác quản lý của cơ quan nhà nước.	Đã hoàn thành				
12	Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh	Sở Xây dựng <i>(tham mưu triển khai nếu tình hình trong số các địa phương đủ điều kiện)</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án, Báo cáo		Tháng 6/2028	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm
13	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của địa	Các đơn vị chủ trì các CSDL dùng chung		Hoàn thành CSDL dùng chung theo Quyết định ban hành danh mục của UBND tỉnh		Tháng 6/2026			

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
	phương để phát triển kinh tế - xã hội								
14	Ban hành bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Bộ trường thông tin được ban hành		Quý II/2026			
15	Đăng ký, xây dựng lộ trình và phương án chuyển dịch hạ tầng về Trung tâm dữ liệu quốc gia	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Các đơn vị hoàn thành đăng ký hạ tầng sử dụng tại Trung tâm dữ liệu quốc gia		Quý I/2026 (Đã hoàn thành)			
16	Ban hành kiến trúc dữ liệu của địa phương bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Kiến trúc dữ liệu được ban hành		Quý I/2026			
III	BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG VÀ CHỦ QUYỀN SỐ								
1	Hình thành Trung tâm An ninh mạng cấp tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các	Kế hoạch thuê dịch vụ		2026			

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
			đơn vị có liên quan						
2	Xây dựng kế hoạch đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
3	Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Quyết định ban hành Quy chế		2026 (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)			
4	Kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
5	Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
6	Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố với các cơ quan Trung	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các	Kết nối hệ thống; Chia sẻ dữ liệu		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
	ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ)		đơn vị có liên quan						
7	Theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Hệ thống được đánh giá, phê duyệt		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
IV	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH TẠO ĐỘT PHÁ, ĐẢM BẢO NGUỒN LỰC								
1	Triển khai Thông tư số 09/2024/TT-BKH&CN ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&CN Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Sở KH&CN; Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan			Đã hoàn thành				
2	Nghiên cứu, đề xuất: (1) Chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng thủ tục hành chính trực tuyến (2) Chính sách hỗ trợ "Tổ chuyển đổi số cộng đồng"	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, Ngành	Chính sách		2026 (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)			

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
3	<p>(1) Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyên đổi số; đồng thời kêu gọi đầu tư cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số của tỉnh.</p> <p>(2) Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>(3) Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện phân bổ dự toán (ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) của địa phương</p>	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả	Hàng năm (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)	Hàng năm (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)	Hàng năm (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)	Hàng năm (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)	Hàng năm (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
4	Nghiên cứu đề xuất xây dựng quỹ phát triển khoa học - công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quyết định		Trong giai đoạn			
5	Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thực hiện các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc tại các cơ quan nhà nước	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Nghị quyết, Quyết định của HĐND, UBND	Đã hoàn thành				
6	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có kiểm soát rủi ro	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Sở Tài chính; UBND cấp xã; đơn vị có liên quan	Cơ chế, chính sách		Trong giai đoạn			

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
7	Đơn giản hóa thủ tục hành chính. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình, trực tuyến toàn trình	Đã hoàn thành				
8	Đề xuất đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 -2030	Sở Tài Chính	Các sở, ban, ngành; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã; các đơn vị có liên quan	Chương trình/Kế hoạch/Báo cáo		Trong giai đoạn			
9	Xây dựng quy chế phối hợp ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu kết thúc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quy chế		2026			
V	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO								

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
1	Triển khai đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng số, công nghệ số cơ bản, ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
2	Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ			Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
3	Xây dựng Kế hoạch đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng gắn với KHCCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Trường Đại học Tây Bắc; Trường Cao đẳng Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
4	(1) Lập dự toán kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng “Bình dân học vụ số; kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai	(1) Sở Khoa học và Công nghệ, (2) Công an tỉnh, (3) Sở Tài chính, (4)	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	- (1) (2) (3) (4): Hồ sơ dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.		- (1) (2) (3) (4): 31/5/2026 - (5): 30/6/2026			

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
	<p>phong trào “Bình dân học vụ số năm 2026.</p> <p>(2) Lập dự toán kinh phí triển khai tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06 năm 2026.</p> <p>(3) Lập dự toán kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng năm 2026.</p> <p>(4) Lập dự toán kinh phí triển khai mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số năm 2026.</p> <p>(5) Căn cứ dự toán đơn vị lập, tổng hợp và tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng “Bình dân học vụ số”, kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số, kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ</p>	<p>UBND cấp xã,</p> <p>(5) Sở Tài chính</p>		<p>- (5): Công văn báo cáo UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí.</p>					

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
	năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06 năm 2026.								
VI	PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ								
1	Đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo ngành, lĩnh vực được giao quản lý	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ KHCN		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
2	Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; chuyên gia ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị	Các viện, trường; Sở Khoa học và Công nghệ			Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
3	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Các bài toán được công bố trên Cổng TTĐT của tỉnh		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
4	Nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch mua	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Chương trình, kế hoạch mua sắm		31/3/2026			

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
	sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển.			sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển được ban hành					
VII	PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO								
1	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Đề án		2026			
2	Phát triển mở rộng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu ứng dụng chuyển giao tiến bộ KHCN	Các sở, ban, ngành; Trường Đại học Tây Bắc; Trường Cao đẳng Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ; Các đơn vị liên quan			Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
3	Triển khai các chính sách hỗ trợ các vườn ươm, cơ sở ươm tạo tư nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
VIII	PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ, KINH TẾ SỐ CẤP TỈNH								
1	Kế hoạch 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của tỉnh								

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
1.1	Xây dựng Kế hoạch 5 năm chuyên đổi số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Quý I/2026 (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)	2030	2035	2040	
1.2	Phát triển các nền tảng số dùng chung, các cơ sở dữ liệu dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quyết định/Kế hoạch		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
1.3	Sử dụng các ứng dụng, nền tảng đã được Trung ương đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
1.4	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
2	Kế hoạch 5 năm triển khai các nền tảng số								
2.1	Xây dựng Kế hoạch 5 năm triển khai các nền tảng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch		Đã hoàn thành	2030	2035	2040

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
2.2	Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
2.3	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả		Thường xuyên (nhiệm vụ 2025 chuyên tiếp)	Thường xuyên (nhiệm vụ 2025 chuyên tiếp)	Thường xuyên (nhiệm vụ 2025 chuyên tiếp)	Thường xuyên (nhiệm vụ 2025 chuyên tiếp)
2.4	Duy trì để khai thác dữ liệu Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
2.5	Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Du lịch, nông nghiệp, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường...	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương, Sở Giáo dục và	Các sở, ban, ngành; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
		Đào tạo; Sở Y tế							
2.6	Phát triển thanh toán số	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 3	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
2.7	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
2.8	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh <i>(Văn phòng UBND tỉnh là đầu mối tổng hợp báo cáo, cung cấp các số liệu liên quan việc giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh)</i>	Báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
	tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.								
2.9	Phối hợp với các Bộ, ngành đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh <i>(Văn phòng UBND tỉnh là đầu mối tổng hợp báo cáo, cung cấp các số liệu liên quan việc giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh)</i>	Báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
2.10	Phối hợp với các Bộ, ngành triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả		Thường xuyên (khi có yêu cầu)	Thường xuyên (khi có yêu cầu)	Thường xuyên (khi có yêu cầu)	Thường xuyên (khi có yêu cầu)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
	thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.								
3	Kế hoạch 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể								
3.1	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).	Sở Khoa học và Công nghệ;	Sở Tài chính; Sở Công thương; UBND cấp xã; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các đơn vị cung cấp giải pháp số	Báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
3.2	Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
3.3	Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
	phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu								
3.4	Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến nông sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả		Hàng năm (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)	Hàng năm (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)	Hàng năm (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)	Hàng năm (nhiệm vụ 2025 chuyển tiếp)
4	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Chương trình/Kế hoạch		2026			
5	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch		Chuyển tiếp 2026 (dự kiến thực hiện nếu có - theo cam kết)			

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
6	Hoàn thành việc triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm: Phát triển kinh tế ban đêm.	Sở Tài chính	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả				Trong giai đoạn	
7	Khẩn trương triển khai thực chất, có hiệu quả Chương trình Chính phủ số (tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ) và thực hiện chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, góp phần tăng trưởng ở mức 2 con số, có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan	Các hoạt động chuyển đổi số thực chất được ưu tiên triển khai đối với chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên
IX	HỢP TÁC, LIÊN KẾT VÙNG, QUỐC TẾ								
1	Hợp tác với địa phương, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học								
1.1	Tổ chức hội nghị, hội thảo, kết nối về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã;	Hội nghị		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
			trường đại học, cao đẳng						
1.2	Tham gia diễn đàn, hội thảo, hợp tác, học tập kinh nghiệm với các địa phương	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	
2	Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài								
2.1	Tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	
2.2	Tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	
2.3	Hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thể mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ;		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
2.4	Thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài vào tỉnh. Kết nối, thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ			Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
X	KIỂM TRA, GIÁM SÁT								
1	Kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch, Báo cáo		Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
2	(1) Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. (2) Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển	(1) Sở Khoa học và Công nghệ (2) Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thông tin được công khai theo quy định		Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện				
					Năm 2025	Giai đoạn 2025 - 2030	Giai đoạn 2030 - 2035	Giai đoạn 2035 - 2040	Giai đoạn 2040 - 2045
	khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.								
3	Xây dựng Mô hình tiếp công dân trực tuyến 02 cấp (tỉnh, xã)	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hệ thống thông tin tiếp công dân trực tuyến 02 cấp		2026			